

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HSST
Ngày 07/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

2. Ông Đoàn Ngọc Sử

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đăng C**, sinh ngày 08/02/1988.

Nơi sinh: xã L, huyện T, thành phố H

Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện T, thành phố H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Nguyễn Đăng C, đã chết

Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1952

Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1989

Con: 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**** Bị hại:***

- Chị Bùi Thị H A, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Anh Đặng Văn T, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

** Người làm chứng:*

- Chị Tạ Thị Thúy L, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh T.

- Bà Lưu Thị M, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh T.

- Ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh T.

- Anh Đỗ Như T1, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh T.

- Ông Bùi Gia D, sinh năm 1955

Nơi cư trú: SN 10, Ngõ 25, Tổ 3, phường Q, thành phố T

- Ông Bùi Gia V, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

** Người chứng kiến: Bà Nguyễn Thị H– sinh năm 1964*

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố H.

(Tại phiên tòa có mặt bà H. Vắng mặt chị H A, anh T, chị L, bà M, ông Tr, anh T1, ông D, ông V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Đăng C và chị Tạ Thị Thúy L là bạn bè quen biết, thỉnh thoảng bị cáo C có về nhà chị L chơi. Khoảng 17 giờ ngày 11/01/2019, bị cáo C đi bộ từ nhà chị L lên Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng, khi đi bị cáo C mang theo 01 chiếc tu vít loại hai đầu, một đầu có bốn cạnh, một đầu có hai cạnh trong túi đồ của bị cáo bỏ vào túi áo khoác bên phải đang mặc với mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày bị cáo C quan sát thấy khu vực cổng bệnh viện vắng người qua lại nên đi bộ vào khu vực phòng mổ cấp cứu, ngồi ở ghế đá gần đó quan sát có tài sản gì sơ hở thì trộm cắp, thấy ở khu vực phía trước cửa khoa sản cách chỗ bị cáo ngồi khoảng 3 đến 4 mét có một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K7-8263, nhãn hiệu Honda, loại Wave RS màu đỏ đen của chị Bùi Thị H A là cán bộ của bệnh viện, đầu xe hướng ra ngoài, đuôi xe quay vào trong không có người canh coi, bị cáo C đi lại gần chiếc xe mô tô lấy chiếc tu vít mang theo dùng đầu 2 cạnh của tu vít cắm vào ổ khóa điện của xe rồi dùng tay phải vặn xoay đi xoay lại vài lần thì mở được khóa điện. Sau đó bị cáo đi bộ ra cổng bệnh viện quan sát thấy chỉ có một người bảo vệ nên đã quay lại chỗ chiếc xe mô tô tiếp tục dùng đầu dẹt hai cạnh của tu vít cắm vào ổ khóa cốp và vặn xoay đi xoay lại vài lần thì mở được cốp xe thấy trong cốp có 01 chiếc ví giả da màu đen và 4.000 đồng tiền lẻ để ở ngoài, bị cáo lấy 4.000 đồng cầm ở tay trái còn chiếc tu vít bỏ vào túi áo khoác bên phải. Do có lần đến bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng nên bị cáo biết được những xe mô tô đi vào trong sân bệnh viện đều không có vé xe và khi đi ra ngoài chỉ cần

đưa tiền gửi xe cho bảo vệ bệnh viện là được đi ra nên bị cáo ngồi lên xe và nổ máy điều khiển ra đến cổng bệnh viện đưa 4.000 đồng cho bảo vệ và nói “cháu trả tiền gửi xe”, người bảo vệ cầm tiền và không nói gì, bị cáo C điều khiển xe mô tô trộm cắp được theo quốc lộ 10 hướng lên thành phố Thái Bình. Khi đi đến khu vực ngã ba Đồng Năm thuộc địa phận xã Đ, huyện Đ, tỉnh T thì bị cáo C dừng xe, mở cốp xe mô tô lấy chiếc ví giả da ra kiểm tra thấy trong ví có khoảng 200.000 đồng tiền mặt, 01 giấy đăng ký xe, 01 chứng minh nhân dân, 01 bằng lái xe mô tô tất cả đều mang tên Bùi Thị H A và 02 thẻ ngân hàng. Bị cáo lấy tiền, đăng ký xe, chứng minh nhân dân bỏ vào túi áo khoác bên phải đang mặc còn lại 02 chiếc thẻ ngân hàng, giấy phép lái xe và chiếc ví bị cáo vứt ở mé đường. Vì sợ vào nhà nghỉ sẽ bị công an bắt nên bị cáo điều khiển xe mô tô đi loanh quanh ở khu vực ngã ba Đồng Năm cho tới sáng ngày 12/01/2019. Do đã 02 lần bán xe mô tô cũ cho anh Đặng Văn T nên khoảng 07 giờ ngày 12/01/2019, bị cáo C gọi điện thoại cho anh T với mục đích bán chiếc xe vừa trộm cắp được, anh T đồng ý và hẹn bị cáo C mang xe lên cho anh T xem. Khi gặp anh T, bị cáo C nói “chiếc xe này của em em, nó cần bán với giá 7.000.000 đồng” rồi đưa đăng ký xe, chứng minh nhân dân của chị H A cho anh T xem, anh T thấy xe có đầy đủ giấy tờ nên đồng ý mua và trả bị cáo C với giá 6.000.000 đồng, bị cáo C đồng ý bán. Bị cáo nhận tiền và đưa đăng ký xe cho anh T còn chứng minh nhân dân bị cáo đem phô tô đưa anh T bản phô tô còn bản chính bị cáo vứt đi. Sau khi bán xe bị cáo C đi xe khách về nhà chị L lấy chiếc túi giả da bên trong có 01 chiếc kim, 01 đoạn sắt hình chữ T, 01 chiếc cờ lê của bị cáo rồi bắt xe khách ra thành phố Hải Phòng để xin việc làm. Anh T sau khi mua xe của bị cáo C đã nhờ anh Đỗ Như T1 tìm giúp người làm giấy tờ mua bán xe; anh T1 đã nhờ ông Bùi Gia D về xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ là nơi cư trú ghi trên giấy đăng ký xe mô tô của chị Bùi Thị H A để làm giấy tờ mua bán xe. Khi ông D về nhà chị H A thì được biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K7-8263 chị H A đã bị trộm cắp khi để ở Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng. Ông D đã nói lại cho anh T biết xe anh mua của bị cáo C là xe trộm cắp. Ngày 25/01/2019, anh T gọi điện thoại cho bị cáo C để hỏi về nguồn gốc chiếc xe, bị cáo C biết hành vi trộm cắp xe mô tô của mình đã bị phát hiện nên đã đến gặp anh T xin chuộc lại xe, anh T đồng ý, bị cáo C đưa cho anh T số tiền 3.300.000 đồng số tiền còn lại xin nợ lại, anh T nhận tiền và trả lại xe mô tô cùng đăng ký xe và chứng minh nhân dân phô tô mang tên chị Bùi Thị H A cho bị cáo C. Cùng ngày bị cáo C đã mang chiếc xe mô tô trộm cắp cùng giấy tờ đến Công an huyện Đông Hưng đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Hưng kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 17K7-8263, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RS, số khung 09036Y512018, số máy C09E6512114, sơn màu đỏ đen, sản xuất năm 2006, chiếc xe cũ, đã qua sử dụng trị giá là 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 28/CT - VKSDH ngày 11/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đăng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đăng C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố. Bị cáo đồng ý hoàn trả anh Đặng Văn T số tiền 2.700.000 đồng. Đối với 01 chiếc cặp giả da ; 01 chiếc kim bằng kim loại màu đen, tay nắm được bọc nhựa màu đỏ đen ; 01 đoạn sắt hình chữ T có một đoạn hình tròn; 01 chiếc cờ lê bằng kim loại màu đen loại 12/10. Những đồ vật này bị cáo dùng để sửa chữa xe do trước đây bị cáo làm nghề sửa xe nhưng những đồ vật này đều đã cũ không còn giá trị sử dụng nên bị cáo không nhận lại.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là cô ruột của bị cáo C. Bà nhất trí với lời khai của bị cáo, nhất trí với các biên bản Hội đồng xét xử đã công bố, bà không đề nghị được xem các biên bản trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Đăng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng C từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Đề nghị miễn án phí cho bị cáo do bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Bị cáo Nguyễn Đăng C nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đăng C phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như:

- Biên bản đầu thú hồi 13 giờ 05 phút ngày 25/01/2019

- Bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Hưng

- Lời khai của người bị hại chị Bùi Thị H A

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn T

Lời khai của người làm chứng: chị Tạ Thị Thúy L, bà Lưu Thị M, anh Đỗ Như T1, ông Bùi Gia D, ông Bùi Gia V, ông Bùi Văn Tr.

Có đủ cơ sở để kết luận khoảng 20 giờ ngày 11/01/2019, tại bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, lợi dụng sở hữu trong việc quản lý tài sản của chị Bùi Thị H A, bị cáo Nguyễn Đăng C đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K7-8263 trị giá 8.400.000 đồng và 200.000 đồng tiền mặt để trong cốp xe của chị Bùi Thị H A. Tổng trị giá tài sản bị cáo C trộm cắp là 8.600.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho chủ sở hữu tài sản không yên tâm trong việc quản lý tài sản của mình, bị cáo muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không chịu lao động nên đã phạm tội. Vì vậy, việc xét xử bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết để giáo dục bị cáo và có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; về tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Đông Hưng đầu thú, gia đình thuộc diện hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,i,h khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô bị hại đã nhận lại và xác định tài sản còn nguyên vẹn nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đối với 02 chiếc

thẻ ngân hàng ATM, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân chị H A đã làm lại không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường tiền lệ phí đã làm; 01 chiếc ví giả da cũ đã bị bị cáo vất đi và 200.000 đồng trong ví bị cáo đã lấy sử dụng chi tiêu cá nhân hết chị H A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, vì vậy không đặt ra giải quyết.

Anh Đặng Văn T mua xe của bị cáo với giá 6.000.000 đồng, bị cáo đã trả cho anh T số tiền 3.300.000 đồng để chuộc xe, số tiền còn lại là 2.700.000 đồng anh T yêu cầu bị cáo phải trả cho anh, bị cáo C đồng ý trả cho anh T số tiền trên là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho chị Bùi Thị H A 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K7-8263 cùng đăng ký xe là phù hợp.

- 01 chiếc cặp giả da kích thước (25x23) cm; 01 chiếc kìm bằng kim loại màu đen, tay nắm được bọc nhựa màu đỏ đen dài 18,5 cm; 01 đoạn sắt hình chữ T có một đoạn hình tròn đường kính 0,5 cm dài 11,5 cm, một đoạn hình tròn đường kính 0,3 cm được mài nhọn một đầu dài 7 cm; 01 chiếc cờ lê bằng kim loại màu đen loại 12/10. Những đồ vật này bị cáo xác định đã cũ không còn giá trị sử dụng nên bị cáo không nhận lại vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc tu vít hai đầu cán bằng nhựa màu xanh dài 15 cm bị cáo sử dụng vào mục đích để đi trộm cắp tài sản, nên cần tịch thu tiêu hủy

- 01 bản photo chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị H A đưa vào hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đăng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng:

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng C 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 579 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đăng C phải hoàn trả anh Đặng Văn T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn Trung Nghĩa, xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cặp giả da kích thước (25x23) cm; 01 chiếc kim bằng kim loại màu đen, tay nắm được bọc nhựa màu đỏ đen dài 18,5 cm; 01 đoạn sắt hình chữ T có một đoạn hình tròn đường kính 0,5 cm dài 11,5 cm, một đoạn hình tròn đường kính 0,3 cm được mài nhọn một đầu dài 7 cm; 01 chiếc cờ lê bằng kim loại màu đen loại 12/10; 01 chiếc tu vít hai đầu cán bằng nhựa màu xanh dài 15 cm;

(Được thể hiện chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/4/2019 giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng)

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đăng C được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt chị H A, anh T báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước tương ứng với số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- THADS huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương

\

